TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-PT
Ngày 26-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Võ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*,

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất L; địa chỉ: Số 67, đường Đ, tổ 43, khu 06, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn L, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Dương Ch; địa chỉ: Số 51 đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (*theo văn bản ủy quyền ngày 25-01-2021*) *– Có mặt.*

- Bị đơn: Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ - Chủ Hộ kinh doanh *– Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị V; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

2. Ông Hoàng Vũ S (*nhân viên của Công ty TNHH MTV Thương mại Sản*

xuất L); địa chỉ cuối cùng: Số 67, đường Đ, tổ 43, khu 06, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương – *Vắng mặt*.

3. Ông Lê Hữu C (*ông Nguyễn Xuân Đ trình bày ông C là nhân viên của Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất L*); địa chỉ cuối cùng: Số 67, đường Đ, tổ 43, khu 06, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương – *Vắng mặt*.

- ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất L và bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-01-2021 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:** Năm 2015, Công ty TNHH MTV Thương mại - Sản xuất L (*viết tắt là Công ty L*) ký hợp đồng bán phân bón cho ông Nguyễn Xuân Đ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 thể hiện tính đến ngày 07-10-2015, ông Đ còn nợ Công ty tổng số tiền 127.900.000 đồng, có chữ ký xác nhận nợ của ông Đ. Mặc dù Công ty đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ không trả. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải thanh toán cho Công ty số tiền nợ gốc là 127.900.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Ông Đ thừa nhận có nhận phân bón của ông Hoàng Vũ S và ông Lê Hữu C, ông không biết về Công ty L và không ký hợp đồng mua bán với Công ty L. Tuy nhiên, khi giao phân bón và nhận tiền thì ông S và ông C có ghi là đại diện Công ty L. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty L buộc ông phải trả số nợ 127.900.000 đồng vì trong bản đối chiếu công nợ ông chỉ ghi "*tạm tính chưa chính xác*". Sau khi xác nhận nợ, ông S và ông C đã nhận lại một số phân bón và tiền, cụ thể: Ông C nhận lại 40 bao phân và số tiền 34.000.000 đồng; ngày 12-01-2017 ông S đại diện Công ty nhận lại 76 bao phân Nutrimat với giá 14.000.000 đồng/tấn; ngày 22-8-2015 ông C ứng 10.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng; ngày 03-02-2016 ông S thu 26.000.000 đồng. Ông đề nghị Công ty L đối chiếu, khấu trừ số tiền này, còn lại nợ bao nhiêu ông sẽ trả theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Trần Thị V:* Bà là vợ ông Đ và đồng ý với nội dung trình bày của ông Đ. Quá trình giao dịch bà là người đăng ký đại diện hộ kinh doanh, năm 2015 bà làm đơn chấm dứt việc kinh doanh. Khi ông S và ông C đến giao dịch phân bón thì không nói là làm việc cho công ty nào. Khi Công ty L đến xác nhận nợ do bà không có ở nhà nên ông Đ ký thay, sau đó bà yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty L không đến để xác nhận nợ. Công ty L kiện ông Đ là không đúng vì ông Đ không đăng ký kinh doanh.

- *Đối với ông Hoàng Vũ S và ông Lê Hữu C:* Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S và ông C đều vắng mặt nên không thu thập được lời khai.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2023/KDTM-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều

143, khoản 1 Điều 147, các Điều 170, 171, 173, 177, 179, 273, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty L, buộc người đại diện hộ kinh doanh ông Nguyễn Xuân Đ phải trả cho Công ty L số tiền cả gốc và lãi là 84.023.000 đồng, trong đó tiền gốc là 48.700.000 đồng, tiền lãi là 35.323.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty L về việc buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải trả số tiền gốc 79.200.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01-8-2023, nguyên đơn Công ty L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 01-8-2023, bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền và phân bón bị đơn đã trả cho ông Lê Hữu C; áp dụng thời hiệu khởi kiện và không tính lãi đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ với Công ty L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn ; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[2.1]. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015, bên B *(Đại lý Xuân Đ*) nợ bên A (*Công ty L*) số tiền 127.900.000 đồng. Kết quả xác minh ngày 30-3-2023 tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ thể hiện ông Đ chưa làm thủ tục chấm dứt hộ kinh doanh. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ thừa nhận ông làm nghề kinh doanh phân bón, mục đích ông mua phân bón của Công ty L (*thông qua ông S và ông C*) là để bán lại kiếm lời. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định

vụ án kinh doanh thương mại "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hợp đồng lao động giữa ông S với Công ty L, chưa làm rõ thời điểm giao phân bón cho Đại lý N thì ông S có phải là nhân viên của Công ty L hay không; ông S có quyền giao phân bón cho đại lý và thu tiền từ đại lý hay không; tại thời điểm lấy lại phân bón và tiền từ ông Đ thì ông S còn là nhân viên của Công ty L hay không? Do đó, chưa đủ căn cứ vững chắc để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L.

[2.3]. Ông Đ cung cấp 03 tờ giấy viết tay lần lượt ghi ngày 10-10-2015 nội dung "*Đã tạm tính Đại lý Xuân Đ còn nợ lại công ty phân bón L là 127.000.000 đồng...*" (BL 71); ngày 03-02-2016 nội dung "*Hoàng Vũ S đã thu của anh Đ 26.000.000 đồng...*" (BL 72); ngày 12-01-2017 nội dung "*Hoàng Vũ S có thay thế đại diện cho Công ty L rút 76 bao Nutrimat về*" (BL 69). Cả 03 tờ giấy đều có chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Vũ S nhưng chữ ký trong tờ giấy ghi ngày 12-01-2017 (BL 69) khác với chữ ký trong 02 tờ giấy còn lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa trưng cầu giám định để làm rõ chữ ký trong các tài liệu, chứng cứ do ông Đ cung cấp có phải là chữ ký của ông S hay không. Do đó, chưa đủ căn cứ để xem xét khấu trừ hay không khấu trừ các khoản tiền này vào số tiền ông Đ còn nợ Công ty L.

[2.4]. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Đ cung cấp bổ sung 02 tờ giấy vở ô ly gồm 03 trang, nội dung ghi nhận các lần Đại lý Xuân Đ nhập phân bón của Công ty L và thanh toán công nợ cho Công ty L, tất cả đều có chữ ký mang tên Lê Hữu C. Mặc dù thời gian giao phân bón và đối chiếu công nợ đều xảy ra trước thời điểm đối chiếu công nợ ngày 07-10-2015 nhưng đây là các tình tiết mới cần làm rõ để xác định ông C có phải là nhân viên của Công ty L hay không; ông C có được Công ty L phân công nhiệm vụ giao phân bón cho đại lý và thu tiền từ đại lý hay không? Từ đó mới có căn cứ chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc khấu trừ số tiền và phân bón mà ông C đã nhận.

[2.5]. Ngoài ra, ngày 30-3-2023, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo số: 01/2023/TB-TLVA về việc chuyển từ vụ án dân sự sang vụ án kinh doanh thương mại nhưng không xóa sổ thụ lý vụ án dân sự để thụ lý vụ án kinh doanh thương mại là vi phạm thủ tục tố tụng; bản án sơ thẩm vẫn thể hiện giải quyết vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-DS ngày 18-3-2021 và tại phần quyết định vẫn áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định quan hệ pháp luật là mâu thuẫn.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.7]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, đồng thời tại giai đoạn phúc thẩm phát sinh thêm tình tiết mới nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.8]. Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, số tiền

tạm ứng án phí sơ thẩm mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2023/KDTM-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất L số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X và Y ngày 10-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Đ số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002417 ngày Z và W ngày 16-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu